

Ngành đào tạo:

Tiếng Việt: **Mỹ thuật ứng dụng**

Mã số: **60 21 04 10**

Tiếng Anh:

Thời gian đào tạo: **02 năm**

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo thạc sĩ mỹ thuật ứng dụng có trình độ chuyên môn sâu về thiết kế mỹ thuật và kỹ thuật, làm việc trong các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức:

- Có kiến thức chuyên sâu về lý luận thiết kế trong các ngành thuộc lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng;

- Có kiến thức chuyên sâu về các ngành khoa học kỹ thuật, tổ chức và quản lý các hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành: kiến trúc cảnh quan, lâm nghiệp đô thị, thiết kế nội thất, thiết kế công nghiệp;

- Có phương pháp luận nghiên cứu khoa học và đủ trình độ học tiếp chương trình tiến sĩ Mỹ thuật ứng dụng.

b. Về kỹ năng:

- Độc lập về thiết kế và tổ chức thiết kế các công trình; phân tích, đánh giá và giám sát công trình thuộc lĩnh vực kiến trúc cảnh quan, lâm nghiệp đô thị, thiết kế công nghiệp và nội thất;

- Có kỹ năng quản lý, tổ chức các hoạt động thực tiễn và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

c. Về phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp, hợp tác, tương trợ trong công việc; Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Có ý thức sáng tạo, tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các vấn đề liên quan đến lĩnh vực bản quyền và sở hữu trí tuệ.

2. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng phải đáp ứng được các điều kiện sau:

a. Về văn bằng:

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng và ngành phù hợp với chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng;

- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng và đã học các học phần bổ sung kiến thức;

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

b. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: không

c. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể là:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo (60 TC), có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

4. Chương trình đào tạo

a. Khái quát chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng được thiết kế theo xu hướng tiên tiến, hiện đại, phù hợp với điều kiện trong nước và tương đương các chương trình đào tạo tiên tiến của một số nước trên thế giới.

Khối lượng kiến thức: Khung chương trình đào tạo thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng được thiết kế với tổng số 60 tín chỉ, gồm 27 tín chỉ bắt buộc (45%), 18 tín chỉ tự chọn (30%) và 15 tín chỉ thực hiện luận văn tốt nghiệp (25%).

Cụ thể:

- Phần kiến thức chung: 8 TC

- Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành:

+ Các học phần bắt buộc: 19TC (cơ sở: 8TC; chuyên ngành: 11TC)

+ Các học phần tự chọn: 18 TC (cơ sở: 7TC; chuyên ngành: 11TC)

- Luận văn tốt nghiệp: 15 TC

b. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 1: Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL
A – Phần kiến thức chung			6		
MUTH	501	Triết học	3	2	1

MUTA	502	Tiếng Anh	3	3	
B – Phần kiến thức cơ sở			17		
<i>B1-Các học phần bắt buộc</i>			8		
MUMH	503	Mỹ học	2	1,5	0,5
MUCS	504	Cơ sở tạo hình	2	1,5	0,5
MUNC	505	Phương pháp nghiên cứu khoa học Mỹ thuật ứng dụng	2	1,5	0,5
MUVL	506	Vật liệu và kết cấu công trình cảnh quan và nội thất	2	1,5	0,5
<i>B2-Các học phần tự chọn</i>			9/18		
MUTM	507	Phương pháp luận và thẩm mỹ công nghiệp	3	2	1
MULS	508	Lịch sử Mỹ thuật	3	2	1
MUTX	509	Thiết kế xanh	2	1,5	0,5
MUET	510	Ergonomic trong thiết kế	2	1,5	0,5
MUVC	511	Vật liệu cây xanh	2	1,5	0,5
MUST	512	Sinh thái cảnh quan	2	1,5	0,5
MUMT	513	Môi trường đô thị	2	1,5	0,5
MUTG	514	Cơ sở thiết kế thị giác	2	1,5	0,5
C- Phần kiến thức chuyên ngành			22		
C1- Chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng			22		
<i>C11- Các học phần bắt buộc</i>			10		
MUNM	515	Nghệ thuật môi trường	2	1,5	0,5
MUCN	516	Tổ chức thi công công trình cảnh quan và nội thất	2	1,5	0,5
MUDA	517	Đồ án chuyên ngành	3	0,5	2,5
MUSE	518	Seminar	1		1
MUBT	519	Bảo tồn và khôi phục công trình cảnh quan và nội thất	2	1,5	0,5
<i>C12- Các học phần tự chọn</i>			12/24		
MUPT	520	Phong thủy ứng dụng	2	1,5	0,5
MUĐT	521	Thiết kế nội thất không gian đặc thù	2	1,5	0,5
MUQL	522	Quản lý và chiến lược thiết kế	2	1,5	0,5
MUTN	523	Tin học chuyên ngành	2	0,5	1,5
MUHS	524	Thiết kế hệ thống sản phẩm công nghiệp	2	1,5	0,5
MUSP	525	Thiết kế sản phẩm nội thất	2	1,5	0,5
MUĐG	526	Đánh giá thiết kế	2	1,5	0,5
MUCQ	527	Thiết kế cảnh quan	2	1,5	0,5
MUDL	528	Quy hoạch khu du lịch cảnh quan	2	1,5	0,5
MUQV	529	Quy hoạch thiết kế vườn thực vật	2	1,5	0,5
MUKH	530	Kiến trúc cảnh quan hiện đại	2	1,5	0,5
MUKX	531	Kinh tế xây dựng	2	1,5	0,5
C2- Chuyên ngành Thiết kế công nghiệp và Nội thất			22		
<i>C21- Các học phần bắt buộc</i>			10		
MUKG	532	Tổ chức không gian nội thất	2	1,5	0,5
MUHS	524	Thiết kế hệ thống sản phẩm công nghiệp	2	1,5	0,5
MUSP	525	Thiết kế sản phẩm nội thất	2	1,5	0,5

MUDA	533	Đồ án chuyên ngành	3	0,5	2,5
MUSE	534	Seminar	1		1
C22- Các học phần tự chọn			12/24		
MUPT	520	Phong thủy ứng dụng	2	1,5	0,5
MUĐT	521	Thiết kế nội thất không gian đặc thù	2	1,5	0,5
MUQL	522	Quản lý và chiến lược thiết kế	2	1,5	0,5
MUTN	523	Tin học chuyên ngành	2	1,5	0,5
MUNT	535	Thiết kế thi công công trình nội thất	2	1,5	0,5
MUCN	516	Tổ chức thi công công trình cảnh quan và nội thất	2		
MUSN	536	Công nghệ sản xuất nội thất	2	1,5	0,5
MUNM	515	Nghệ thuật môi trường	2	1,5	0,5
MUBQ	537	Thiết kế bao bì và quảng cáo chuyên sâu	2	1,5	0,5
MUSM	538	Thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ	2	1,5	0,5
MUBT	519	Bảo tồn và khôi phục công trình cảnh quan và nội thất	2	1,5	0,5
MUKX	531	Kinh tế xây dựng	2	1,5	0,5
C3- Chuyên ngành Kiến trúc cảnh quan			22		
C31- Các học phần bắt buộc			10		
MUCN	516	Tổ chức thi công công trình cảnh quan và nội thất	2	1,5	0,5
MUĐC	539	Đô thị cảnh quan	2	1,5	0,5
MUDA	540	Đồ án chuyên ngành KTCQ	3		
MUSE	541	Seminar	1		1
MUBT	519	Bảo tồn và khôi phục công trình cảnh quan và nội thất	2	1,5	0,5
C32- Các học phần tự chọn			12/24		
MUKĐ	542	Thiết kế các loại hình không gian xanh đô thị	2	1,5	0,5
MUTN	523	Tin học chuyên ngành	2	1,5	0,5
MUPT	520	Phong thủy ứng dụng	2	1,5	0,5
MUTĐ	543	Thiết kế đô thị	2	1,5	0,5
MUQC	544	Quy hoạch cấu trúc chiến lược	2	1,5	0,5
MUKC	545	Kỹ thuật trồng cây đô thị	2	1,5	0,5
MUPĐ	546	Phát triển cảnh quan đô thị bền vững	2	1,5	0,5
MUCQ	527	Thiết kế cảnh quan	2	1,5	0,5
MUDL	528	Quy hoạch khu du lịch cảnh quan	2	1,5	0,5
MUQV	529	Quy hoạch thiết kế vườn thực vật	2	1,5	0,5
MUKH	530	Kiến trúc cảnh quan hiện đại	2	1,5	0,5
MUXD	531	Kinh tế xây dựng	2	1,5	0,5
C4- Chuyên ngành Lâm nghiệp đô thị			22		
C41- Các học phần bắt buộc			10		
MUKĐ	542	Thiết kế các loại hình không gian xanh đô thị	2	1,5	0,5
MUKC	545	Kỹ thuật trồng cây đô thị	2	1,5	0,5
MUDA	547	Đồ án chuyên ngành LNĐT	4		
MUSE	548	Seminar	1		

MUTC	549	Thực tập chuyên ngành	1		
C42- Các học phần tự chọn			12/24		
MUUQ	550	Ứng dụng công nghệ địa không gian trong quản lý cây xanh đô thị	2	1,5	0,5
MUTN	523	Tin học chuyên ngành	2	1,5	0,5
MUXH	551	Công nghệ sản xuất hoa	2	1,5	0,5
MUCX	552	Thực vật cảm xạ trong phong thủy	2	1,5	0,5
MUSB	553	Quản lý sâu bệnh hại cây cảnh quan	2	1,5	0,5
MUCQ	527	Thiết kế cảnh quan	2	1,5	0,5
MUDL	528	Quy hoạch khu du lịch cảnh quan	2	1,5	0,5
MUQV	529	Quy hoạch thiết kế vườn thực vật	2	1,5	0,5
MUPT	520	Phong thủy ứng dụng	2	1,5	0,5
MUTĐ	542	Thiết kế đô thị	2	1,5	0,5
MUKH	530	Kiến trúc cảnh quan hiện đại	2	1,5	0,5
MUXD	531	Kinh tế xây dựng	2	1,5	0,5
D- Luận văn tốt nghiệp			15	0	15
Tổng cộng			60		

c. Đề cương chi tiết các học phần (Chi tiết xem Phụ lục IV)

4.5. Dự kiến kế hoạch đào tạo

TT	Thời gian	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
1	Học kỳ 1 Năm thứ nhất	Triết học		3
		Tiếng Anh		3
		Mỹ học		2
		Cơ sở tạo hình		2
		Phương pháp nghiên cứu khoa học		2
		Mỹ thuật ứng dụng		2
		Vật liệu và kết cấu công trình cảnh quan và nội thất		2
Tổng				14
2	Học kỳ 2 Năm thứ nhất	Cơ sở ngành (Tự chọn)		9/18
		Phương pháp luận và thẩm mỹ công nghiệp		3
		Lịch sử Mỹ thuật		3
		Thiết kế xanh		2
		Ergonomic trong thiết kế		2
		Vật liệu cây xanh		2
		Sinh thái cảnh quan		2
		Môi trường đô thị		2
		Cơ sở thiết kế thị giác		2
		Chuyên ngành C1		6
		Nghệ thuật môi trường		2
		Bảo tồn và khôi phục công trình cảnh quan và nội thất		2
		Tổ chức thi công công trình cảnh quan và nội thất		2

		Chuyên ngành C2	6
		Tổ chức không gian nội thất	2
		Thiết kế hệ thống sản phẩm công nghiệp	2
		Thiết kế sản phẩm nội thất	2
		Chuyên ngành C3	6
		Bảo tồn và khôi phục công trình cảnh quan và nội thất	2
		Tổ chức thi công công trình cảnh quan và nội thất	2
		Đô thị cảnh quan	2
		Chuyên ngành C4	6
		Thiết kế các loại hình không gian xanh đô thị	2
		Đồ án chuyên ngành LNĐT	4
		Tổng	15
3	Học kỳ 1 Năm thứ hai	Đồ án chuyên ngành (C1,C2,C3)	3
		Seminar	1
		Chuyên ngành C1 (Tự chọn)	12/24
		Phong thủy ứng dụng	2
		Thiết kế nội thất không gian đặc thù	2
		Quản lý và chiến lược thiết kế	2
		Tin học chuyên ngành	2
		Thiết kế hệ thống sản phẩm công nghiệp	2
		Thiết kế sản phẩm nội thất	2
		Đánh giá thiết kế	2
		Kiến trúc cảnh quan hiện đại	2
		Thiết kế cảnh quan	2
		Quy hoạch khu du lịch cảnh quan	2
		Quy hoạch thiết kế vườn thực vật	2
		Kinh tế xây dựng	2
		Chuyên ngành C2 (Tự chọn)	12/24
		Phong thủy ứng dụng	2
		Thiết kế nội thất không gian đặc thù	2
		Quản lý và chiến lược thiết kế	2
		Tin học chuyên ngành	2
		Thiết kế thi công công trình nội thất	2
		Tổ chức thi công công trình cảnh quan và nội thất	2
		Công nghệ sản xuất nội thất	2
		Nghệ thuật môi trường	2
		Thiết kế bao bì và quảng cáo chuyên sâu	2
		Thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ	2
		Bảo tồn và khôi phục công trình cảnh quan và nội thất	2

		Kinh tế xây dựng	2
		Chuyên ngành C3 (Tự chọn)	12/24
		Thiết kế các loại hình không gian xanh đô thị	2
		Kiến trúc cảnh quan hiện đại	2
		Tin học chuyên ngành	2
		Phong thủy ứng dụng	2
		Thiết kế đô thị	2
		Quy hoạch cấu trúc chiến lược	2
		Kỹ thuật trồng cây đô thị	2
		Phát triển cảnh quan đô thị bền vững	2
		Quy hoạch thiết kế vườn thực vật	2
		Quy hoạch khu du lịch cảnh quan	2
		Thiết kế cảnh quan	2
		Kinh tế xây dựng	2
		Chuyên ngành C4 (Tự chọn)	12/24
		Ứng dụng công nghệ địa không gian trong quản lý cây xanh đô thị	2
		Tin học chuyên ngành	2
		Công nghệ sản xuất hoa	2
		Phong thủy thực vật và cảm xạ địa sinh học	2
		Quản lý sâu bệnh hại cây cảnh quan	2
		Thiết kế cảnh quan	2
		Quy hoạch khu du lịch cảnh quan	2
		Quy hoạch thiết kế vườn thực vật	2
		Kiến trúc cảnh quan hiện đại	2
		Phong thủy ứng dụng	2
		Thiết kế đô thị	2
		Kinh tế xây dựng	2
		Tổng	16
4	Học kỳ 2 Năm thứ hai	Thực tập và viết luận văn tốt nghiệp	15
		Tổng	15
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60

6. Dự kiến cán bộ giảng dạy cơ hữu

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy
	Phần chữ	Phần số			
1	MUTH	501	Triết học	3	Giảng viên Khoa Lý luận chính trị
2	MUTA	502	Tiếng Anh	3	Giảng viên Bộ môn Ngoại ngữ
3	MUMH	503	Mỹ học	2	GV mời
4	MUCS	504	Cơ sở tạo hình	2	TS. Lý Tuấn Trường
5	MUNC	505	Phương pháp nghiên cứu khoa học Mỹ thuật ứng dụng	2	PGS. TS. Nguyễn Văn Thiết

6	MUVL	506	Vật liệu và kết cấu công trình cảnh quan và nội thất	2	GS. TS. Trần Văn Chứ
7	MUTM	507	Phương pháp luận và thẩm mỹ công nghiệp	3	GV mời
8	MULS	508	Lịch sử Mỹ thuật	3	GV mời
9	MUTX	509	Thiết kế xanh	2	TS. Lý Tuấn Trường
10	MUET	510	Ergonomic trong thiết kế	2	TS. Nguyễn Thị Vĩnh Khánh
11	MUVC	511	Vật liệu cây xanh	2	TS. Đặng Văn Hà
12	MUST	512	Sinh thái cảnh quan	2	PGS. TS. Trần Quang Bảo
13	MUMT	513	Môi trường đô thị	2	PGS. TS. Phùng Văn Khoa
14	MUTG	514	Cơ sở thiết kế thị giác	2	TS. Lý Tuấn Trường
15	MUNM	515	Nghệ thuật môi trường	2	GV mời
16	MUKH	530	Kiến trúc cảnh quan hiện đại	2	TS. Phạm Anh Tuấn
17	MUCN	516	Tổ chức thi công công trình cảnh quan và nội thất	1	TS. Phạm Anh Tuấn
18	MUDA	517	Đồ án chuyên ngành (C1)	3	TS. Lý Tuấn Trường, TS. Đặng Văn Hà, TS. Phạm Anh Tuấn.
19	MUSE	518	Seminar (C1)	1	TS. Lý Tuấn Trường, TS. Đặng Văn Hà, TS. Phạm Anh Tuấn.
20	MUPT	520	Phong thủy ứng dụng	2	GS. TS. Trần Văn Chứ
21	MUĐT	521	Thiết kế nội thất không gian đặc thù	2	TS. Lý Tuấn Trường
22	MUQL	522	Quản lý và chiến lược thiết kế	2	GS. TS. Trần Văn Chứ
23	MUTN	523	Tin học chuyên ngành	2	TS. Đặng Văn Hà, TS. Lý Tuấn Trường
24	MUHS	524	Thiết kế hệ thống sản phẩm công nghiệp	2	TS. Nguyễn Thị Vĩnh Khánh
25	MUSP	525	Thiết kế sản phẩm nội thất	2	TS. Nguyễn Thị Hương Giang
26	MUDG	526	Đánh giá thiết kế	2	PGS. TS. Nguyễn Văn Thiét
27	MUKG	532	Tổ chức không gian nội thất	2	TS. Lý Tuấn Trường
28	MUDA	533	Đồ án chuyên ngành (C2)	3	TS. Lý Tuấn Trường, TS. Nguyễn Thị Vĩnh Khánh, TS. Nguyễn Thị Hương Giang.

29	MUSE	534	Seminar (C2)	1	TS. Lý Tuấn Trường, TS. Nguyễn Thị Vĩnh Khánh, TS. Nguyễn Thị Hương Giang.
30	MUTN	523	Tin học chuyên ngành (C2)	2	TS. Lý Tuấn Trường
31	MUTN	535	Thiết kế thi công công trình nội thất	2	PGS. TS. Cao Quốc An
32	MUSN	536	Công nghệ sản xuất nội thất	2	PGS. TS. Cao Quốc An
33	MUBQ	537	Thiết kế bao bì và quảng cáo chuyên sâu	2	TS. Nguyễn Thị Vĩnh Khánh
34	MUSM	538	Thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ	2	TS. Nguyễn Thị Hương Giang
35	MUĐC	539	Đô thị cảnh quan	2	TS. Phạm Anh Tuấn
36	MUDA	540	Đồ án chuyên ngành KTCQ	3	TS. Phạm Anh Tuấn
37	MUSE	541	Seminar (C3)	1	TS. Phạm Anh Tuấn
38	MUKĐ	542	Thiết kế các loại hình không gian xanh đô thị	2	TS. Đặng Văn Hà
39	MUKH	530	Kiến trúc cảnh quan hiện đại	2	TS. Phạm Anh Tuấn
40	MUTN	523	Tin học chuyên ngành (C3)	2	TS. Đặng Văn Hà, TS. Phạm Hoàng Phi
41	MUTĐ	543	Thiết kế đô thị	2	TS. Phạm Hoàng Phi
42	MUQC	544	Quy hoạch cấu trúc chiến lược	2	GS. TS. Trần Hữu Viên
43	MUKC	545	Kỹ thuật trồng cây đô thị	2	TS. Trần Ngọc Hải, TS. Nguyễn Thị Yến
44	MUPĐ	546	Phát triển cảnh quan đô thị bền vững	2	TS. Đặng Văn Hà
45	MUDA	547	Đồ án chuyên ngành LNĐT	4	TS. Đặng Văn Hà, TS. Phạm Hoàng Phi
46	MUSE	548	Seminar (C4)	1	TS. Đặng Văn Hà, TS. Nguyễn Thị Yến TS. Phạm Hoàng Phi
47	MUTC	549	Thực tập chuyên ngành (C4)	1	TS. Phạm Hoàng Phi
48	MUUQ	550	Ứng dụng công nghệ địa không gian trong quản lý cây xanh đô thị	2	PGS. TS. Trần Quang Bảo
49	MUTN	523	Tin học chuyên ngành	2	TS. Đặng Văn Hà, TS. Phạm Hoàng Phi
50	MUXH	551	Công nghệ sản xuất hoa	2	TS. Nguyễn Thị Yến
51	MUCX	552	Thực vật cảm xạ trong phong thủy	2	GS. TS. Ngô Quang Đê
52	MUSB	553	Quản lý sâu bệnh hại cây cảnh quan	2	GS. TS. Nguyễn Thế Nhã, TS. Nguyễn Thành

					Tuấn
53	MUCQ	527	Thiết kế cảnh quan	2	TS. Phạm Anh Tuấn
54	MUDL	528	Quy hoạch khu du lịch cảnh quan	2	TS. Đặng Văn Hà
55	MUQV	529	Quy hoạch thiết kế vườn thực vật	2	TS. Phạm Hoàng Phi
56	MUBT	519	Bảo tồn và khôi phục công trình cảnh quan và nội thất	2	TS. Phạm Anh Tuấn
57	MUKX	531	Kinh tế xây dựng	2	TS. Phạm Anh Tuấn